

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA MÔN ĐỊA THPT TRIỆU SƠN 4

SỞ GD&ĐT THANH HÓA
TRƯỜNG THPT TRIỆU SƠN 4

(Đề thi có 04 trang, gồm 40 câu)

Mã đề: 125

ĐỀ KSCL LẦN 2 NĂM HỌC 2020 - 2021

Môn: ĐỊA LÍ. Lớp 12

Thời gian: 50 phút. Không kể thời gian giao đề
(Ngày thi: 14/03/2021)

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp Hải Dương **không** có ngành chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây?

- A. Thủy hải sản. B. Lương thực. C. Đường sữa, bánh kẹo. D. Sản phẩm chăn nuôi.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết khu kinh tế nào sau đây **không** thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Đình Vũ - Cát Hải. B. Vân Đồn. C. Trà Lĩnh. D. Thanh Thủy.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Bắc?

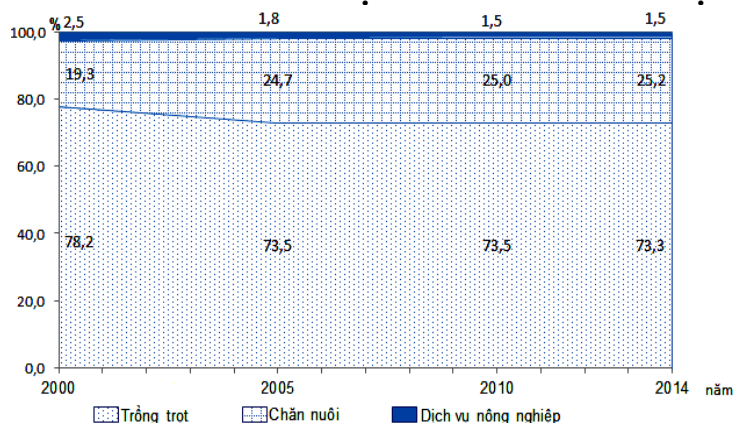
- A. Tây Nguyên. B. Bắc Trung Bộ. C. Nam Bộ. D. Nam Trung Bộ.

Câu 44: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh đa dạng hóa nông nghiệp ở nước ta là

- A. khai thác hợp lí tự nhiên, sử dụng hiệu quả lao động.
B. sử dụng hiệu quả nguồn lao động, bảo vệ môi trường.
C. tạo thêm việc làm, sử dụng hiệu quả nguồn lao động.
D. bảo vệ môi trường, khai thác hợp lí điều kiện tự nhiên.

Câu 45: Cho biểu đồ:

CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 - 2014



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp nước ta giai đoạn 2000 - 2014?

- A. Dịch vụ nông nghiệp có tỉ trọng thấp hơn chăn nuôi.
B. Chăn nuôi giảm tỉ trọng, dịch vụ nông nghiệp tăng tỉ trọng.
C. Trồng trọt giảm tỉ trọng, chăn nuôi tăng tỉ trọng.
D. Trồng trọt chiếm tỉ trọng cao nhất, chăn nuôi cao thứ hai.

Câu 46: Nguyên nhân dẫn tới quá trình đô thị hoá diễn ra mạnh mẽ trong thời gian qua là

- A. Mức sống của người dân cao. B. Công nghiệp hoá phát triển mạnh.
C. Quá trình đô thị hoá giả tạo, tự phát. D. Kinh tế phát triển nhanh.

Câu 47: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Có sự phân hoá thành 2 tiểu vùng. B. Có diện tích lớn nhất so cả nước.
C. Có dân số đông nhất cả nước. D. Giáp cả Trung Quốc và Lào.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết phát biểu nào sau đây đúng khi so sánh quy mô giá trị sản xuất công nghiệp của một số trung tâm?

- A. Hải Phòng nhỏ hơn Phúc Yên. B. Hạ Long nhỏ hơn Nam Định.
C. Rạch Giá lớn hơn Cà Mau. D. Thủ Dầu Một lớn hơn Nha Trang.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết nhận xét nào say đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản nước ta?

- A. Tỉ trọng nông nghiệp tăng, lâm nghiệp và thủy sản tăng.
- B. Tỉ trọng nông nghiệp giảm, lâm nghiệp và thủy sản tăng.
- C. Tỉ trọng nông nghiệp tăng, lâm nghiệp và thủy sản giảm.
- D. Tỉ trọng nông nghiệp và lâm nghiệp giảm, thủy sản tăng.

Câu 50: Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta tăng nhanh chủ yếu do

- A. Việt Nam trở thành thành viên của WTO.
- B. khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.
- C. đường lối mở cửa, hội nhập của nước ta.
- D. tận dụng tốt thế mạnh của nguồn lao động.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết vùng kinh tế nào sau đây có thu nhập bình quân theo đầu người cao nhất?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết các cảng sông nào sau đây được xây dựng ở sông Tiền?

- A. Cần Thơ, Sài Gòn.
- B. Mỹ Tho, Trà Vinh.
- C. Sài Gòn, Mỹ Tho.
- D. Trà Vinh, Cần Thơ.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ Thác Bà thuộc lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

- A. Thái Bình.
- B. Đồng Nai.
- C. Hồng.
- D. Mê Công.

Câu 54: Nước ta có vị trí

- A. gắn liền với lục địa Á - Âu.
- B. thông ra Ấn Độ Dương.
- C. ở trung tâm Đông Nam Á.
- D. ở rìa tây bán đảo Đông Dương.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác ít hơn sản lượng nuôi trồng?

- A. Bình Thuận.
- B. Kiên Giang.
- C. Bà Rịa - Vũng Tàu.
- D. Cà Mau.

Câu 56: Thế mạnh nào về tự nhiên tạo sau đây tạo cho Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông?

- A. Khí hậu có mùa đông lạnh.
- B. Đất phù sa màu mỡ.
- C. Ít có thiên tai.
- D. Nguồn nước phong phú.

Câu 57: Nơi nào sau đây thuận lợi để nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta?

- A. Đảo ven bờ.
- B. Bãi triều.
- C. Sông suối.
- D. Vịnh biển.

Câu 58: Cây công nghiệp nào sau đây là quan trọng nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Đỗ tương.
- B. Cà phê.
- C. Chè.
- D. Thuốc lá.

Câu 59: Ngành công nghiệp chế biến thủy sản nước ta tập trung chủ yếu tại

- A. các cảng biển.
- B. các khu vực đông dân cư.
- C. các đô thị lớn.
- D. các vùng nguyên liệu.

Câu 60: Khó khăn chủ yếu đối với vấn đề giải quyết việc làm ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay là

- A. tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm.
- B. nhiều đô thị lớn dân cư tập trung đông đúc.
- C. chất lượng lao động chưa đáp ứng yêu cầu.
- D. dân cư, nguồn lao động phân bố không đều.

Câu 61: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Con Voi.
- B. Sông Gâm.
- C. Bắc Sơn.
- D. Giăng Màn.

Câu 62: Đa dạng sinh học của nước ta **không** thể hiện trực tiếp ở

- A. số lượng thành phần loài.
- B. các kiểu hệ sinh thái.
- C. phân bố sinh vật.
- D. nguồn gen quý hiếm.

Câu 63: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Cam-pu-chia?

- A. Quảng Bình.
- B. Long An.
- C. Quảng Trị.
- D. Quảng Nam.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với nội thương nước ta hiện nay?

- A. Hàng hóa ngày càng phong phú, đa dạng.
- B. Kinh tế Nhà nước chiếm tỉ trọng lớn nhất.
- C. Thị trường thống nhất trong khắp cả nước.
- D. Thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia.

Câu 65: Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác một số khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. thiếu lao động có kĩ thuật.
- B. khu vực có khoáng sản là địa bàn cư trú của đồng bào dân tộc ít người.
- C. các mỏ phân bố phân tán, nhìn chung các mỏ khoáng sản trữ lượng không lớn.
- D. đòi hỏi các phương tiện hiện đại.

Câu 66: Thuận lợi về tự nhiên để phát triển ngành giao thông vận tải đường biển của nước ta **không** phải là

- A. có các dòng biển chảy theo mùa. B. bờ biển dài với nhiều vũng, vịnh kín gió.
C. có nhiều vùng biển sâu, đảo ven bờ. D. vùng biển rộng, gần đường hàng hải quốc tế.

Câu 67: Đây là một nhược điểm lớn của đô thị nước ta làm hạn chế khả năng đầu tư phát triển kinh tế:

- A. Có quy mô, diện tích và dân số không lớn. B. Phân bố tản mạn về không gian địa lí.
C. Nếp sống xen lẫn giữa thành thị và nông thôn. D. Phân bố không đồng đều giữa các vùng.

Câu 68: Cho bảng số liệu (Đơn vị: triệu kwh):

SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÁT RA PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA

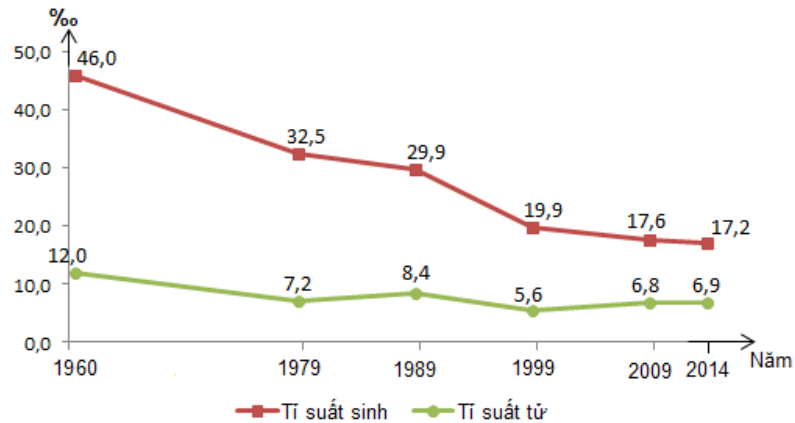
Năm	2010	2014	2015	2017
Nhà nước	67 678	123 291	133 081	165 548
Ngoài Nhà nước	1 721	5 941	7 333	12 622
Đầu tư nước ngoài	22 323	12 018	17 535	13 423

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng điện của các thành phần kinh tế nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Miền. C. Tròn. D. Cột.

Câu 69: Cho biểu đồ về sinh, tử của nước ta giai đoạn 1960 - 2014:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng tỷ suất sinh và tỷ suất tử.
B. Tình hình tỷ suất sinh và tỷ suất tử.
C. Sự chuyển dịch cơ cấu tỷ suất sinh và tỷ suất tử.
D. Cơ cấu tỷ suất sinh và tỷ suất tử.

Câu 70: Du lịch biển đảo ở nước ta phát triển dựa trên thuận lợi nào sau đây?

- A. Vùng biển ấm, nguồn lợi hải sản phong phú, nhiều ngư trường lớn.
B. Khoáng sản biển phong phú: dầu khí, muối biển, ô xit titan, cát trắng.
C. Vùng biển rộng, diện tích bãi triều, rừng ngập mặn lớn.
D. Bờ biển dài, có nhiều bãi tắm đẹp, vịnh biển, đảo ven bờ.

Câu 71: Cho bảng số liệu sau (Đơn vị: nghìn tấn):

SẢN LƯỢNG HẢI SẢN KHAI THÁC CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2016

Năm	2005	2008	2010	2012	2016
Tổng sản lượng	1 791,1	1 946,7	2 220,0	2 510,9	3 035,9
Trong đó: cá biển	1 367,5	1 475,8	1 662,7	1 818,9	2 242,8

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây **không** đúng với sản lượng hải sản khai thác nước ta?

- A. Trong khai thác hải sản, khai thác cá biển chiếm tỉ lệ nhỏ.
B. Tổng sản lượng hải sản khai thác tăng liên tục qua các năm.
C. Sản lượng cá biển tăng chậm hơn so với tổng sản lượng thủy sản.

D. Sản lượng khai thác cá biển tăng liên tục qua các năm.

Câu 72: Dân số nước ta đông **không** tạo thuận lợi nào dưới đây?

A. Thu hút nhiều vốn đầu tư.

B. Thị trường tiêu thụ rộng lớn.

C. Trình độ đào tạo được nâng cao.

D. Nguồn lao động dồi dào.

Câu 73: Để người lao động có thể tự tạo việc làm và tham gia vào các đơn vị sản xuất dễ dàng hơn, nước ta cần chú trọng biện pháp nào dưới đây?

A. Đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu.

B. Đa dạng hóa các hoạt động sản xuất.

C. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo lao động.

D. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Câu 74: Cực Nam Trung Bộ có diện tích đất bị đe dọa hoang mạc hóa lớn nhất nước ta hiện nay vì

A. địa hình thấp trũng, chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nóng

B. chịu tác động của thủy triều

C. có mùa khô sâu sắc kéo dài, lượng mưa trung bình năm thấp.

D. quanh năm không có mưa

Câu 75: Ngành hàng không có bước tiến rất nhanh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Lượng khách du lịch quốc tế lớn.

B. Chiến lược phát triển táo bạo.

C. Lao động có trình độ cao.

D. Đảm bảo tính an toàn tuyệt đối.

Câu 76: Trong khu vực I (nông - lâm - ngư nghiệp), tỉ trọng ngành thủy sản có xu hướng tăng chủ yếu do

A. trang thiết bị phục vụ ngày càng hiện đại.

B. nhu cầu của thị trường ngày càng lớn.

C. nước ta có nguồn lợi hải sản phong phú.

D. giá trị sản xuất tăng nhanh hơn ngành khác.

Câu 77: Tháng mưa cực đại lùi dần từ Bắc Bộ đến Trung Bộ do

A. gió Tây Nam từ cao áp Bắc Ấn Độ dương mạnh lên.

B. Càng vào Nam càng xa chí tuyến bán cầu Bắc.

C. Càng về cuối năm bão hoạt động càng mạnh.

D. sự lùi dần vị trí trung bình của dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 78: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm chậm việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng?

A. Một số tài nguyên đang xuống cấp và bị cạn kiệt.

B. Các thế mạnh sử dụng chưa hợp lý, mật độ dân số cao.

C. Số dân đông, thiếu nguyên liệu cho phát triển công nghiệp.

D. Nhiều thiên tai, phần lớn nguyên liệu lấy ở nơi khác.

Câu 79: Điểm khác biệt về khí hậu của Nam Bộ so với Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. mùa mưa ngắn hơn.

B. nóng quanh năm.

C. mùa mưa sớm hơn.

D. khí hậu cận xích đạo.

Câu 80: Hiện tượng thời tiết nào dưới đây xảy ra khi áp thấp Bắc Bộ khơi sâu vào đầu mùa hạ?

A. Hiệu ứng phơn ở Đồng bằng Bắc Bộ

B. Hiệu ứng phơn ở Đông Bắc.

C. Mưa ngâu ở Đồng bằng Bắc Bộ.

D. Mưa phùn ở Đồng bằng Bắc Bộ.

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng Át lát Địa lí Việt Nam từ năm 2007 trở lại đây nhưng KHÔNG được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

Tham khảo thêm nhiều [đề thi thử THPT Quốc gia 2021 môn Địa](#) mới nhất tại [Độc tài liệu](#) nha.

Chúc các em ôn tập và đạt kết quả tốt!